

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 190/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2021.

V/v : “ ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nho Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Thư.

+ Ông Nguyễn Tấn Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 10/9/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 356/2021/TLST-HNGĐ ngày 28/12/2020, về “*ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/6/2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà N.T.L, sinh năm: 1982, địa chỉ: Thôn P, xã XI, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Đ.V.T, sinh năm: 1981, địa chỉ: Thôn P, xã XI, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà N.T.L trình bày:

Bà N.T.L và ông Đ.V.T tự nguyện tìm hiểu đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam vào năm 2005. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do

ông Đ.V.T thường xuyên đánh đập bà N.T.L, nhiều lần hòa giải nhưng không thành, tình cảm vợ chồng không hòa hợp với nhau trong cuộc sống. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, bà N.T.L làm đơn ly hôn ông Đ.V.T .

- Về con chung: Có ba con chung gồm: Đ.V.Th, sinh ngày 02/10/2006; Đ.V.H, sinh ngày 01/9/2010 và Đ.A.Th, sinh ngày 18/4/2013. Nếu ly hôn bà N.T.L yêu cầu được nuôi cả ba con, không yêu cầu ông Đ.V.T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đ.V.T trình bày:

Về thời điểm và điều kiện kết hôn ông Đ.V.T thống nhất như bà N.T.L trình bày. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã nhau. Nay bà N.T.L làm đơn ly hôn thì ông Đ.V.T đồng ý vì tình cảm vợ chồng đã hết.

Về con chung: Có ba con chung như bà N.T.L trình bày. Nếu ly hôn ông Đ.V.T yêu cầu nuôi hai con là Đ.V.Th và Đ.A.Th, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và cho mượn nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà N.T.L làm đơn khởi kiện ly hôn đối với ông Đ.V.T , địa chỉ tại: Thôn Phú Hưng, xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam nên là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà N.T.L và ông Đ.V.T tự nguyện tìm hiểu đến với nhau có đăng ký kết hôn ngày 09/12/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

[3] Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn được cả hai bên thông nhất là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không thể hòa hợp. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ, tạo điều kiện cho các bên khắc phục mâu thuẫn. Tuy nhiên kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, mâu thuẫn gia đình giữa bà N.T.L và ông Đ.V.T không thể khắc phục, bà N.T.L vẫn cương quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét tình trạng vợ chồng giữa bà N.T.L và ông Đ.V.T trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.T.L về việc ly hôn với ông Đ.V.T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N.T.L yêu cầu nuôi cả ba con, ông Đ.V.T yêu cầu nuôi cháu Đ.V.Th và cháu Đ.A.Th, không bên nào yêu cầu cấp dưỡng.

[4.1] Xét thấy việc giao con cho ai phải đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần cho các con. Cả ba con của bà N.T.L, ông Đ.V.T đã trên bảy tuổi, được quyền trình bày nguyện vọng của mình về việc ở với ai. Cháu Đ.V.Th, cháu Đ.A.Th và cháu Đ.V.H đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Việc trình bày của các cháu là tự nguyện. Bản thân bà N.T.L có công việc ổn định, đảm bảo việc nuôi dạy con. Vì vậy, xét giao các cháu Đ.V.Th, Đ.A.Th và Đ.V.H cho bà N.T.L tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà N.T.L không yêu cầu nên ông Đ.V.T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung và cho mượn nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Án phí HNGĐ sơ thẩm bà N.T.L phải chịu theo quy định tại nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà N.T.L về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn ông Đ.V.T.

Về quan hệ hôn nhân: bà N.T.L được ly hôn với ông Đ.V.T.

Về con chung: Giao Đ.V.Th, sinh ngày 02/10/2006; Đ.V.H, sinh ngày 01/9/2010 và Đ.A.Th, sinh ngày 18/4/2013 cho bà N.T.L trực tiếp chăm sóc nuôi

dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Ông Đ.V.T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà N.T.L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà N.T.L đã nộp theo biên lai thu số 0003098 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Tòa án tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã X I;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Nho Hoàng